TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Số: 99/2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 04 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trịnh Xuân H, sinh năm 1981.
- *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị Hồng H, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Khu B 2, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trịnh Xuân H và chị Đỗ Thị Hồng H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Trịnh Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trịnh Hải Đ, sinh ngày 06/6/2008 và Trịnh Linh C, sinh ngày 08/8/2002. Chị Đỗ Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng một con chung Trịnh Thùy D, sinh ngày 06/11/2011. Anh Trịnh Xuân H và chị Đỗ Thị Hồng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh chị không yêu cầu nH anh chị đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và Công sức: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3 Về án phí: Anh Trịnh Xuân H tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003691, ngày 17/7/2020; tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Anh H được hoàn trả số tiền chênh lệch 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Thi hành án DS;
- UBND xã P;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hán Hưởng